

Dự thảo 4

LUẬT
ĐIỆN ẢNH (SỬA ĐỔI)

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Điện ảnh.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về hoạt động điện ảnh; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động điện ảnh trên lãnh thổ Việt Nam hoặc tham gia hoạt động điện ảnh của Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Điện ảnh* là loại hình nghệ thuật tổng hợp thể hiện bằng hình ảnh động, kết hợp hoặc không kết hợp với âm thanh, được ghi trên các chất liệu và phổ biến đến người xem thông qua các phương tiện kỹ thuật.

2. *Hoạt động điện ảnh* là các hoạt động trong xây dựng và phát triển điện ảnh, bao gồm sản xuất phim, phát hành phim, phổ biến phim, quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh, lưu chiếu, lưu trữ phim, đào tạo điện ảnh và các hoạt động khác.

3. *Công nghiệp điện ảnh* là một ngành thuộc công nghiệp văn hóa bao gồm các hoạt động điện ảnh và áp dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động điện ảnh.

4. *Phim* là tác phẩm điện ảnh có ý tưởng, nội dung được biểu hiện bằng hình ảnh động kết hợp hoặc không kết hợp với âm thanh và các phương tiện khác được ghi trên các chất liệu và phổ biến đến người xem thông qua các phương tiện kỹ thuật.

5. *Sản xuất phim* là quá trình tạo ra một bộ phim từ ý tưởng đến khi hoàn thành.

6. *Phát hành phim* là quá trình lưu thông phim thông qua hình thức bán, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu.

7. *Phổ biến phim* là việc đưa phim đến công chúng thông qua chiếu phim, phát sóng trên truyền hình, đưa lên không gian mạng và các phương tiện nghe nhìn, thiết bị di động.

8. *Phân loại phim* là việc xếp loại phim theo nội dung để phổ biến phù hợp với từng độ tuổi khán giả do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện.

9. *Kịch bản phim* là văn bản thể hiện toàn bộ ý tưởng, diễn biến nội dung phim.

10. *Chủ sở hữu phim* là tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính để sản xuất phim, mua quyền sở hữu phim; được cho, tặng hoặc thừa kế quyền sở hữu phim và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

11. *Phim Việt Nam* là phim đã được phép phổ biến tại Việt Nam và có hai trong ba yếu tố: đạo diễn có quốc tịch Việt Nam; ngôn ngữ chủ yếu trong phim là tiếng Việt và có ít nhất một pháp nhân Việt Nam tham gia đầu tư vào quá trình sản xuất phim.

12. *Phim hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài* là phim được thực hiện dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

13. *Cung cấp dịch vụ sản xuất phim* là hoạt động cung cấp phương tiện, trang bị, thiết bị kỹ thuật, bối cảnh và nhân lực cho việc sản xuất phim.

14. *Thị trường điện ảnh* là nơi thực hiện các giao dịch mua, bán, trao đổi phim và các dịch vụ có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc của hoạt động điện ảnh

1. Xây dựng nền công nghiệp điện ảnh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và hội nhập quốc tế.

2. Bảo đảm quyền sáng tạo, quyền sở hữu trí tuệ của nghệ sĩ.

3. Bảo đảm tính nhân văn, hướng thiện, thẩm mỹ và giải trí.

4. Bảo đảm sự bình đẳng của các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động điện ảnh và thị trường điện ảnh.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh

1. Nhà nước đầu tư cho các hoạt động sau:

a) Sản xuất phim về đề tài theo yêu cầu của Nhà nước trong từng thời kỳ;

b) Mua phim có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao;

c) Phát hành và phổ biến phim phục vụ đồng bào miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nông thôn; phục vụ thiếu nhi, lực lượng vũ trang; phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại;

d) Tổ chức liên hoan phim quốc gia.

2. Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động sau:

a) Đầu tư nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất, phát hành, phổ biến, lưu chiếu và lưu trữ phim;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý hoạt động điện ảnh;

c) Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động điện ảnh;

d) Tổ chức liên hoan phim quốc tế.

3. Nhà nước có chính sách khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh

1. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh có trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên;

b) Tham gia xây dựng, phổ biến, giáo dục, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, chính sách về điện ảnh;

c) Tham gia xúc tiến, quảng bá điện ảnh; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về điện ảnh; xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh cho các hội viên; huy động các nguồn lực xã hội để triển khai hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức triển khai việc thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp; vận động hội viên, người lao động kinh doanh điện ảnh thực hiện đúng quy định của pháp luật;

đ) Phát hiện và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về điện ảnh.

Điều 7. Cơ sở điện ảnh

1. Cơ sở điện ảnh do tổ chức, cá nhân thành lập và hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp hoặc đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực sản xuất phim, phát hành phim, phổ biến phim, quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh, lưu chiếu, lưu trữ phim, đào tạo điện ảnh theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam được thành lập và quản lý doanh nghiệp sản xuất phim, doanh nghiệp phát hành phim và doanh nghiệp phổ biến phim tại Việt Nam theo quy định của Luật này, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được quyền hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp sản xuất phim, doanh nghiệp phát hành phim và doanh nghiệp phổ biến phim của Việt Nam dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Đối với hình thức hợp tác kinh doanh với tổ chức, cá nhân nước ngoài và hoạt động đầu tư trong lĩnh vực điện ảnh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thì phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 51% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

4. Doanh nghiệp điện ảnh thành lập và hoạt động theo quy định của Luật này, Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Đơn vị sự nghiệp điện ảnh được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật này và theo quy định của Chính phủ.

Điều 8. Những nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động điện ảnh

1. Nghiêm cấm các hoạt động điện ảnh có nội dung sau đây:

a) Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

b) Tuyên truyền kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng phản động, tệ nạn xã hội, phá hoại truyền thống văn hóa và đạo đức xã hội;

c) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

d) Xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

đ) Kích động bạo lực, hành vi tội ác bằng việc thể hiện chi tiết hình ảnh, âm thanh, lời thoại cảnh đánh đập, tra tấn, giết người dã man, tàn bạo và những hành vi khác xúc phạm đến nhân phẩm con người, trái với truyền thống yêu hoà bình và nhân ái của dân tộc, trừ trường hợp nội dung nhằm phê phán, tố cáo, lên án tội ác, đề cao chính nghĩa;

e) Dâm ô, đồi trụy thể hiện chi tiết hình ảnh, âm thanh, lời thoại kêu gọi, kích thích dâm ô, truy lạc, loạn luân;

g) Mê tín dị đoan làm mê hoặc người khác, trái với tự nhiên, gây tác động xấu về nhận thức.

2. Nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau đây:

a) Phổ biến phim mà không có Giấy phép phổ biến và phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng của cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình;

- b) Thay đổi, làm sai lệch nội dung phim đã được cấp Giấy phép phổ biến và phân loại hoặc Quyết định phát sóng của cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình;
- c) Phát hành, phổ biến phim không có bản quyền hợp pháp;
- d) Phát hành, phổ biến phim đã có quyết định đình chỉ, thu hồi.

Chương II

SẢN XUẤT PHIM

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh tham gia sản xuất phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh tham gia sản xuất phim:
 - a) Sản xuất, hợp tác sản xuất phim; cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
 - b) Tham gia sản xuất phim đặt hàng có sử dụng ngân sách nhà nước;
 - c) Phát hành, phổ biến phim do mình là chủ sở hữu hoặc nhận ủy quyền phát hành, phổ biến phim của chủ sở hữu khác;
 - d) Được hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng theo quy định của pháp luật;
 - đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh tham gia sản xuất phim:
 - a) Thực hiện đúng nội dung đã đăng ký kinh doanh hoặc chức năng, nhiệm vụ được giao;
 - b) Chịu trách nhiệm về nội dung phim do mình sản xuất theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - c) Thực hiện đúng nội dung Giấy phép hợp tác thực hiện dự án sản xuất phim, cung cấp dịch vụ thực hiện dự án sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài;
 - d) Nộp lưu chiếu, lưu trữ phim theo quy định;
 - đ) Tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan về quyền tác giả và quyền liên quan; bảo vệ môi trường, bảo vệ danh lam thắng cảnh và an toàn sản xuất phim, đồng thời thực hiện các biện pháp bảo vệ và phòng ngừa cần thiết trong quá trình sản xuất phim;
 - e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của biên kịch, đạo diễn, giám đốc sản xuất, các thành viên khác trong đoàn phim và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Quyền và nghĩa vụ của biên kịch, đạo diễn, giám đốc sản xuất và các thành viên khác trong đoàn làm phim thực hiện theo nội dung hợp đồng, quy định của pháp luật và bảo đảm tôn trọng đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp.

2. Chính quyền địa phương, chủ địa điểm có bối cảnh quay phim tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất phim theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hợp tác làm phim với tổ chức, cá nhân nước ngoài; cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Đối với phim hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài, cơ sở sản xuất phim tại Việt Nam phải chịu trách nhiệm theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối với phim do tổ chức, cá nhân Việt Nam cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện tại Việt Nam phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép.

3. Hồ sơ cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ thực hiện dự án sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài gồm:

- a) Đơn đề nghị theo mẫu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- b) Kịch bản phim bằng tiếng Việt;
- c) Bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ sản xuất phim;
- d) Dự kiến thành phần đoàn làm phim;
- đ) Dự kiến kế hoạch sản xuất phim.

4. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ thực hiện dự án sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện cung cấp dịch vụ thực hiện dự án sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nộp trực tiếp, qua công dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép. Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Nếu kịch bản cần phải sửa chữa về nội dung theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh, thời hạn cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ thực hiện dự án sản xuất phim được tính từ ngày nhận được kịch bản đã được sửa chữa.

Điều 12. Sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước

1. Việc sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo yêu cầu của Nhà nước trong từng thời kỳ;

2. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước là các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức

chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Chủ đầu tư dự án sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước phải thành lập Hội đồng thẩm định và tuyển chọn kịch bản, Hội đồng lựa chọn dự án sản xuất phim.

4. Việc sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo một trong các hình thức sau: giao nhiệm vụ, đặt hàng và đấu thầu. Trường hợp thực hiện hình thức đấu thầu thì được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Chương III

PHÁT HÀNH PHIM

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh tham gia phát hành phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh tham gia phát hành phim:

- a) Thực hiện phát hành phim trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
- b) Trao đổi phim, hợp tác, thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài để phát hành phim;
- c) Được hưởng ưu đãi trong quá trình phát hành phim phục vụ đồng bào miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nông thôn; phục vụ thiếu nhi, lực lượng vũ trang; phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh tham gia phát hành phim:

- a) Thực hiện phát hành phim theo đúng nội dung đã đăng ký kinh doanh hoặc chức năng, nhiệm vụ được giao;
- b) Phát hành những phim được phép phổ biến theo quy định của pháp luật;
- c) Bảo đảm phim phát hành có bản quyền hợp pháp và chịu trách nhiệm về nội dung phim phát hành;
- d) Bảo đảm phân chia công bằng, hợp lý về suất chiếu, tỷ lệ doanh thu chiếu phim với các cơ sở điện ảnh khác có chức năng phổ biến phim;
- đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Bán, cho thuê phim

Tổ chức, cá nhân chỉ được bán, cho thuê phim được phép phổ biến theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 15. Xuất khẩu phim, nhập khẩu phim

1. Cơ sở điện ảnh có chức năng phát hành phim thực hiện việc xuất khẩu, nhập khẩu phim phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Phim xuất khẩu phải có Giấy phép phổ biến và phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng của cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình Trung ương hoặc địa phương;

b) Phim nhập khẩu không vi phạm quy định tại Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 13 Luật này.

2. Người đứng đầu cơ sở điện ảnh có chức năng phát hành phim phải chịu trách nhiệm về nội dung phim và thực hiện quản lý, sử dụng phim nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở nghiên cứu khoa học được nhập khẩu phim phục vụ công tác nghiên cứu, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Người đứng đầu cơ quan phải chịu trách nhiệm về nội dung phim và thực hiện quản lý, sử dụng phim nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

Chương IV

PHỔ BIẾN PHIM

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh tham gia phổ biến phim

1. Quyền của cơ sở điện ảnh tham gia phổ biến phim:

a) Hợp tác, thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với tổ chức, cá nhân nước ngoài phổ biến phim trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Được hưởng ưu đãi trong quá trình thực hiện hoạt động phổ biến phim phục vụ đồng bào miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nông thôn; phục vụ thiếu nhi, lực lượng vũ trang; phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh tham gia phổ biến phim:

a) Thực hiện phổ biến phim theo nội dung đăng ký kinh doanh hoặc theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Phổ biến phim đã được phép phổ biến theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện nghĩa vụ tài chính vào Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh;

d) Thực hiện thông báo và hiển thị mức phân loại phim đến khán giả;

đ) Bảo đảm phân chia công bằng, hợp lý về suất chiếu, tỷ lệ doanh thu chiếu phim với các cơ sở điện ảnh khác có chức năng phát hành phim;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim

1. Điều kiện kinh doanh phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim:

a) Là cơ sở điện ảnh có chức năng phổ biến phim theo quy định của pháp luật;

b) Có rạp chiếu phim bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở điện ảnh tham gia phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim có các quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này;

b) Kinh doanh các dịch vụ quảng cáo và dịch vụ phục vụ nhu cầu của khán giả trong hệ thống rạp chiếu phim theo quy định pháp luật.

3. Cơ sở điện ảnh tham gia phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim có các nghĩa vụ sau đây:

a) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này;

b) Bảo đảm tỷ lệ số buổi chiếu phim Việt Nam so với phim nước ngoài, giờ chiếu phim Việt Nam; thời lượng và giờ chiếu phim cho trẻ em theo quy định của Chính phủ;

c) Bảo đảm khán giả xem phim đúng độ tuổi theo phân loại phim.

Điều 18. Phổ biến phim trên hệ thống truyền hình

1. Việc phổ biến phim trên hệ thống truyền hình phải bảo đảm các quy định sau đây:

a) Chỉ được phổ biến phim có Giấy phép phổ biến và phân loại phim của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc đã có Quyết định phát sóng hoặc được biên tập bởi cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình;

b) Bảo đảm tỷ lệ thời lượng phát sóng phim Việt Nam so với phim nước ngoài, giờ phát sóng phim Việt Nam, thời lượng và giờ phát sóng phim cho trẻ em theo quy định của Chính phủ;

c) Phải có cảnh báo và hiển thị mức phân loại phổ biến phim.

2. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình được cấp phép biên tập kênh truyền hình nước ngoài chịu trách nhiệm về nội dung phim do mình biên tập.

Điều 19. Phổ biến phim trên không gian mạng

1. Việc phổ biến phim trên không gian mạng phải bảo đảm các quy định sau đây:

a) Không vi phạm quy định tại Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 13 Luật này;

b) Phải có cảnh báo và hiển thị mức phân loại phổ biến phim theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Doanh nghiệp nước ngoài hoạt động phổ biến phim trên không gian mạng tại Việt Nam phải đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Điều 20. Phổ biến phim tại địa điểm công cộng

1. Phổ biến phim tại địa điểm công cộng là việc chiếu phim ngoài trời, trên phương tiện vận chuyển công cộng, trong khu công nghiệp, nhà khách, nhà nghỉ, cơ sở lưu trú du lịch, khu du lịch, nhà hàng, cửa hàng, cửa hiệu, quán giải khát, khu vui chơi, giải trí, trung tâm thương mại, trung tâm văn hóa, nhà hát, nhà văn hóa, nhà triển lãm, sân vận động, nhà thi đấu thể thao, câu lạc bộ, trụ sở của tổ chức.

2. Tổ chức, cá nhân phổ biến phim tại các địa điểm quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Chỉ được phổ biến phim đã có Giấy phép phổ biến phim của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc Quyết định phát sóng hoặc được biên tập bởi cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình;

b) Bảo đảm các điều kiện về an toàn, trật tự, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong quá trình tổ chức chiếu phim;

c) Thông báo bằng văn bản về nội dung chương trình chiếu phim cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương theo phân cấp đối với việc phổ biến phim tại các địa điểm chiếu phim ngoài trời trước thời điểm tổ chức ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày chiếu phim.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương tiếp nhận thông báo có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức phổ biến phim ngoài trời; trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Điều 21. Chiếu phim lưu động

1. Nhà nước có chính sách đầu tư thiết bị chiếu phim, phương tiện vận chuyển, cấp kinh phí hoạt động cho đội chiếu phim lưu động do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện), đơn vị lực lượng vũ trang thành lập để phục vụ chiếu phim ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, phục vụ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

2. Đội chiếu phim lưu động được ngân sách nhà nước bảo đảm 100% chi phí bản quyền phổ biến phim, chi phí sản xuất bản phim và chi phí tổ chức buổi chiếu phim ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, phục vụ cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang; bảo đảm tối thiểu 50% chi phí bản quyền phổ biến phim, chi phí sản xuất bản phim và chi phí tổ chức buổi chiếu phim ở các vùng nông thôn.

3. Cơ sở tư nhân chiếu phim lưu động phục vụ ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, phục vụ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện được thanh toán chi phí buổi chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 22. Phổ biến phim tại trụ sở của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam

Phim do tổ chức nước ngoài phổ biến cho đối tượng không thuộc nội bộ phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim theo quy định của Luật này.

Điều 23. Quảng cáo phim

1. Quảng cáo phim bao gồm quảng cáo về phim và quảng cáo trong phim.
2. Việc quảng cáo về phim được quy định như sau:
 - a) Tổ chức, cá nhân được quảng cáo thông tin liên quan đến bộ phim trước, trong quá trình sản xuất và phát hành phim theo quy định của pháp luật về quảng cáo;
 - b) Tổ chức, cá nhân không được chiếu toàn bộ nội dung phim để quảng cáo khi chưa có Giấy phép phổ biến và phân loại phim của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc Quyết định phát sóng của cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình.
3. Việc quảng cáo trong phim được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo.

Điều 24. Giấy phép phổ biến và phân loại phim

1. Giấy phép phổ biến và phân loại phim do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh cấp theo quy định sau:
 - a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim, trừ trường hợp quy định tại Điều 19, các điểm b và c khoản này;
 - b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim theo phân cấp của Chính phủ;
 - c) Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình quyết định việc phát sóng phim trên hệ thống do mình quản lý.
 2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bao gồm:
 - a) Văn bản đề nghị cấp theo mẫu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - b) Bản sao chứng nhận bản quyền hợp pháp của phim;
 - c) Bản phim;
 - d) Bản thuyết minh phim bằng tiếng Việt đối với phim nước ngoài.
 3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh có trách nhiệm cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim theo mẫu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trường hợp không cấp phải có văn bản nêu rõ lý do.
- Nếu phim cần phải sửa chữa về nội dung theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh, thời hạn cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim được tính từ ngày nhận được bản phim đã được sửa chữa.

4. Trường hợp thay đổi nội dung phim đã được cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Trường hợp thay đổi tên phim hoặc thay đổi thời gian, địa điểm chiếu phim đã được cấp Giấy phép, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị theo mẫu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh đã cấp Giấy phép. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh có trách nhiệm cấp lại Giấy phép phổ biến và phân loại phim.

Điều 25. Đình chỉ, thu hồi Giấy phép phổ biến và phân loại phim

1. Việc đình chỉ Giấy phép phổ biến và phân loại phim được quy định như sau:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật này đình chỉ phổ biến phim đối với phim vi phạm quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 8 Luật này;

b) Văn bản đình chỉ phải ghi rõ hành vi vi phạm, thời điểm và thời hạn đình chỉ. Việc xác định thời hạn đình chỉ căn cứ vào mức độ vi phạm, thời hạn khắc phục do cơ quan cấp phép quyết định. Thời hạn đình chỉ không quá 30 ngày làm việc;

c) Cơ sở phát hành phim, phổ biến phim phải dừng chiếu phim và khắc phục vi phạm.

2. Việc thu hồi Giấy phép phổ biến và phân loại phim được thực hiện khi hết thời hạn đình chỉ quy định tại khoản 1 Điều này mà không khắc phục được vi phạm.

Điều 26. Hội đồng phân loại phim

1. Việc cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim, quyết định phát sóng phim được thực hiện trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng phân loại phim.

2. Thẩm quyền thành lập Hội đồng phân loại phim được quy định như sau:

a) Hội đồng phân loại phim của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập;

b) Hội đồng phân loại phim của tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập;

c) Hội đồng phân loại phim của cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình do người đứng đầu cơ quan thành lập.

3. Hội đồng phân loại phim có trách nhiệm tư vấn cho người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quyết định phân loại phim để phổ biến theo độ tuổi.

4. Hội đồng phân loại phim có từ 05 thành viên trở lên, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và đại diện cơ quan cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim, đạo diễn, biên kịch, nhà lý luận phê bình điện ảnh và các thành viên khác.

Trường hợp cần thiết, người đứng đầu cơ quan cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim hoặc quyết định phát sóng có thể tham khảo ý kiến chuyên gia.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết Điều này.

Điều 27. Phân loại phim

1. Phim được phổ biến phải phân loại theo độ tuổi.
2. Phân loại phim theo độ tuổi bao gồm:
 - a) Loại P: Phim được phép phổ biến rộng rãi đến mọi đối tượng khán giả;
 - b) Loại PG: Phim cho phép trẻ em dưới 13 tuổi được xem phim C13 với điều kiện đi cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ;
 - c) Loại C13: Phim không phổ biến đến khán giả ở lứa tuổi dưới 13;
 - d) Loại C16: Phim không phổ biến đến khán giả ở lứa tuổi dưới 16;
 - đ) Loại C18: Phim không phổ biến đến khán giả ở lứa tuổi dưới 18;
 - e) Loại C: Phim không phổ biến đến mọi đối tượng khán giả.
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí phân loại phim theo độ tuổi quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương V

LƯU CHIẾU, LƯU TRỮ PHIM

Điều 28. Lưu chiếu phim

1. Cơ sở điện ảnh có phim được cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim theo quy định phải nộp một bản lưu chiếu phim tại cơ quan cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim. Đối với phim Việt Nam có sử dụng ngân sách nhà nước phải nộp kịch bản và tài liệu kèm theo phim.
2. Thời hạn lưu chiếu:
 - a) Đối với phim Việt Nam: Theo thời hạn ghi trong Giấy phép phổ biến và phân loại phim;
 - b) Đối với phim nhập khẩu: Theo thời hạn bản quyền phổ biến tại Việt Nam.
3. Hết thời hạn lưu chiếu, cơ quan nhận lưu chiếu có trách nhiệm:
 - a) Đối với phim Việt Nam có sử dụng ngân sách nhà nước: Chuyển bản phim lưu chiếu không khóa mã, kịch bản và tài liệu đi kèm cho cơ sở lưu trữ phim;
 - b) Đối với phim Việt Nam không sử dụng ngân sách nhà nước: Chuyển bản phim lưu chiếu khóa mã cho cơ sở lưu trữ phim;

c) Đối với phim nhập khẩu: Trả lại bản phim lưu chiếu cho cơ sở nộp lưu chiếu.

Điều 29. Lưu trữ phim

1. Cơ sở lưu trữ phim thuộc cơ quan văn hóa, thể thao và du lịch có trách nhiệm lưu trữ phim Việt Nam đã được cấp Giấy phép phổ biến và phân loại phim.
2. Cơ sở lưu trữ phim thuộc cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình có trách nhiệm lưu trữ phim của đơn vị mình.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở lưu trữ phim

1. Bảo đảm an toàn bản phim, kịch bản và tài liệu kèm theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.
2. Tổ chức khai thác phim lưu trữ, cung cấp lại bản sao, in trích tư liệu cho cơ sở sản xuất phim có phim lưu trữ theo quy định của pháp luật.
3. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động bảo quản, lưu trữ, phục hồi, khai thác phim.
4. Mua phim có giá trị trong nước và nước ngoài để phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập.
5. Làm dịch vụ lưu trữ; bán, cho thuê, phổ biến phim lưu trữ theo thỏa thuận với chủ sở hữu phim.

Chương VI

QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH; QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Mục 1

QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Điều 31. Tổ chức liên hoan phim quốc gia

1. Liên hoan phim quốc gia là sự kiện văn hóa, nghệ thuật do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổ chức theo định kỳ.
2. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức liên hoan phim quốc gia.

Điều 32. Tổ chức liên hoan phim quốc tế tại Việt Nam

1. Liên hoan phim quốc tế tại Việt Nam phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép tổ chức.
2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim quốc tế tại Việt Nam bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị theo mẫu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- b) Đề án liên hoan phim;
- c) Điều lệ liên hoan phim.

3. Trình tự, thủ tục:

- a) Tổ chức đề nghị tổ chức liên hoan phim quốc tế nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

4. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia và tài trợ kinh phí tổ chức liên hoan phim quốc tế tại Việt Nam.

Điều 33. Tổ chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, liên hoan phim tại địa phương

1. Liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, liên hoan phim tại địa phương phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh cấp giấy phép tổ chức.

2. Thẩm quyền cấp giấy phép:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề do các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp Trung ương, tổ chức phi chính phủ, tổ chức nước ngoài thực hiện và cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề được tổ chức tại hai địa phương trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim tại địa phương do các tổ chức không thuộc quy định tại điểm a khoản này tại địa phương thực hiện.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục:

- a) Tổ chức đề nghị tổ chức liên hoan phim nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 32 đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 34. Tổ chức chương trình phim, tuần phim nước ngoài tại Việt Nam

1. Việc tổ chức chương trình phim nước ngoài, tuần phim nước ngoài tại Việt Nam phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chấp thuận.

2. Phim chiếu trong chương trình phim nước ngoài, tuần phim nước ngoài tại Việt Nam phải được cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh có thẩm quyền thẩm định, phân loại phổ biến phim theo quy định của Luật này.

3. Hồ sơ đề nghị, trình tự, thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức đề nghị nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp, qua cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; bao gồm:

- Văn bản đề nghị theo mẫu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bản phim.
- Bản thuyết minh phim bằng tiếng Việt đối với phim nước ngoài.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trả lời bằng văn bản việc chấp thuận, nếu không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Điều 35. Tổ chức và tham gia liên hoan phim quốc tế, hội chợ phim quốc tế, chương trình phim Việt Nam ở nước ngoài

Cơ sở điện ảnh, cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh được tổ chức và tham gia liên hoan phim quốc tế, hội chợ phim quốc tế, chương trình phim Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 36. Phim chiếu trong liên hoan phim

Phim chiếu trong liên hoan phim tại Việt Nam và phim Việt Nam tham dự liên hoan phim, chương trình phim, tuần phim tại nước ngoài phải có Giấy phép phổ biến và phân loại của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc có Quyết định phát sóng của người đứng đầu cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh - truyền hình.

Điều 37. Thu hút đoàn làm phim nước ngoài tại Việt Nam

Đoàn làm phim nước ngoài hợp tác sản xuất phim tại Việt Nam hoặc sử dụng dịch vụ do Việt Nam cung cấp được hưởng ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất phim theo quy định của pháp luật.

Mục 2

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Điều 38. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động.

2. Quỹ hỗ trợ và phát triển điện ảnh được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh được hình thành từ các nguồn sau đây:

a) Vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp;

b) Nguồn thu trích tỷ lệ phần trăm từ tổng thu thuế VAT của hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực điện ảnh.

c) Nguồn thu từ phát hành và phổ biến những phim được sản xuất có sử dụng ngân sách nhà nước, sau khi đã trừ chi phí phát hành và các chi phí khác theo quy định hiện hành;

d) Nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện, hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

đ) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Điều 39. Mục đích của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Xúc tiến điện ảnh, quảng bá điện ảnh Việt Nam ra nước ngoài.

2. Hỗ trợ cho các dự án sản xuất phim thể nghiệm, phim đầu tay, phim của các tác giả trẻ.

3. Hỗ trợ cho các dự án sản xuất phim tiếp theo của nhà sản xuất, đạo diễn có phim đạt giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao, có hiệu quả xã hội.

4. Hỗ trợ hoạt động quảng bá, phát hành và phổ biến phim Việt Nam ở trong và ngoài nước.

5. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển tài năng trẻ và nguồn nhân lực điện ảnh.

Điều 40. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Không vì mục đích lợi nhuận; bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý.

2. Thực hiện thu, chi, quyết toán, công khai tài chính, tài sản và công tác kế toán theo quy định của pháp luật.

3. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và kiểm toán nhà nước về các hoạt động tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật, không trùng lặp với nguồn ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động sự nghiệp điện ảnh. Quỹ không hỗ trợ các dự án sản xuất phim có sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Số dư kinh phí năm trước của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐIỆN ẢNH

Điều 41. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Chính phủ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điện ảnh.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về điện ảnh; chỉ đạo và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về điện ảnh;
 - b) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển điện ảnh, định hướng phát triển cơ sở điện ảnh trong quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao và du lịch;
 - c) Xây dựng cơ chế, chính sách về điện ảnh; tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động điện ảnh;
 - d) Quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý hoạt động điện ảnh;
 - đ) Quản lý và thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động điện ảnh; hoạt động xúc tiến, quảng bá điện ảnh ở trong nước và nước ngoài.
 - e) Tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học; ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động điện ảnh;
 - h) Quản lý, tổ chức thực hiện việc cấp, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép trong hoạt động điện ảnh;
 - g) Thực hiện công tác khen thưởng trong hoạt động điện ảnh; tuyển chọn và trao giải thưởng đối với cá nhân và tác phẩm điện ảnh;
 - h) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động điện ảnh.

Điều 42. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước có liên quan ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực điện ảnh; huy động nguồn lực, thu hút đầu tư phát triển điện ảnh; lồng ghép các nội dung liên quan đến phát triển điện ảnh trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.
3. Bộ Tài chính trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước có liên quan ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách ưu đãi về

tín dụng, thuế nhằm tạo điều kiện phát triển điện ảnh; bảo đảm nguồn lực tài chính thực hiện các hoạt động đặt hàng sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh, quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh và các hoạt động điện ảnh khác.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước có liên quan ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách, quy định và thực hiện việc áp dụng công nghệ để quản lý phim phổ biến trên truyền hình, không gian mạng và các phương tiện nghe nhìn khác.

5. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước có liên quan quản lý tổ chức và hoạt động điện ảnh trong lực lượng vũ trang.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan nhà nước có liên quan quản lý công tác đào tạo nhân lực điện ảnh.

7. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh.

Điều 43. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh tại địa phương cụ thể hóa chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển điện ảnh phù hợp với thực tế tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi về tài chính, thuế nhằm tạo điều kiện phát triển điện ảnh tại địa phương;

b) Đầu tư phát triển hệ thống điện ảnh cấp tỉnh; xây dựng, kiện toàn và củng cố hệ thống phát hành và phổ biến phim trên địa bàn;

c) Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, môi trường tại các địa điểm tổ chức sản xuất phim;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm.

2. Luật này thay thế Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.

3. Sửa ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại số thứ tự 192 Phụ lục 4 Luật Đầu tư năm 2020 thành “kinh doanh dịch vụ phổ biến phim”.